TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 374/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Lê Thị Diễm H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Lâm Hải B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt; anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm H và anh Lâm Hải B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/10/2013 (Số 137, Quyển số 2/2013).

Sau thời gian chung sống, chị H và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn liên quan đến tiền bạc, nợ nần, kinh tế gia đình, vợ chồng đã hòa giải nhiều lần

nhưng không được. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn nhiều hơn, chị Diễm H và anh B đã ly thân từ tháng 02/2024. Nay chị Lê Thị Diễm H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Hải B.

Về con chung: Chị Lê Thị Diễm H và anh Lâm Hải B có 01 con chung Lâm Lê Hải K, sinh ngày 18/3/2014. Hiện nay con chung đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lâm Lê Hải K và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Hải B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa,

- *Chị Lê Thị Diễm H trình bày:* Sau khi cưới nhau vợ chồng về sống với bên gia đình chị H. Thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, khi còn sống chung thì vợ chồng cùng chăm lo con cái nhưng khi mâu thuẫn anh B về nhà cha mẹ ruột sinh sống, mọi chi phí chăm sóc con cái đều do chị H tự lo. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, thời gian ly thân có tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nay chị H xác định, chị H đã không còn tình cảm yêu thương với anh B, tình cảm không thể hàn gắn, chị H không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh B mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh B.

Hiện tại, chị có công việc thu nhập ổn định mỗi tháng thu nhập từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đủ để nuôi dưỡng, chăm sóc và lo cho con chung ăn học nên chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lâm Lê Hải K và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Thời gian chung sống chị H và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lâm Hải B có nơi cư trú tại thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm H và anh Lâm Hải B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/10/2013 nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh B không hạnh phúc, vợ chồng không có sự chia sẻ, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, không chí thú làm ăn, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh B và khẳng định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng với anh B mong Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh B đã không còn hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa chị H và anh B không có sự chia sẻ yêu thương, anh B không thực hiện trách nhiệm làm chồng, làm cha trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh B.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị H và Giấy khai sinh của con chung, xác định chị H và anh B có một con chung 01 con chung Lâm Lê Hải K, sinh ngày 18/3/2014, hiện con chung đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Lâm Lê Hải K hiện đang sinh sống cùng với chị H, chị H đã nuôi dưỡng chăm sóc con chung từ nhỏ, chị H xác định chị H có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, cháu Lâm Lê Hải K cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lâm Lê Hải K, sinh ngày 18/3/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[2.4] Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định. Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Diễm H. Chị Lê Thị Diễm H được ly hôn với anh Lâm Hải B.

- Về con chung: Chị Lê Thị Diễm H và anh Lâm Hải B có 01 con chung Lâm Lê Hải K, sinh ngày 18/3/2014, hiện con chung đang sống với chị H. Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lâm Lê Hải K, sinh ngày 18/3/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

-. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012551 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Anh Lâm Hải B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- UBND xã Mỹ T;
(Số 137, Quyển số 02 ngày 16/10/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ong Thị Ngọc Tâm